**TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN**

**TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ - ĐỊA – GDCD**

**CHUYÊN ĐỀ THÁNG 1**

**PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC,**

**BẢO VỆ TỔ QUỐC CUỐI THẾ KỶ XVIII**

1. **BỐI CẢNH LỊCH SỬ.**

Từ nửa cuối thế kỷ XVII, nước Đại Việt nằm dưới quyền cai trị tượng trưng của vua Lê, có danh mà không có quyền hành chính trị. Quyền lực thực sự nằm trong tay hai gia đình phong kiến, các chúa Trịnh ở phía bắc, kiểm soát nhà vua và điều khiển triều đình ở Thăng Long và các chúa Nguyễn ở phía nam, đóng đô tại thành Phú Xuân. Hai bên từng đánh lẫn nhau để giành quyền kiểm soát toàn bộ đất nước trong suốt 45 năm và đều tuyên bố trung thành với nhà Lê để củng cố quyền lực cho mình.

Giống như Trung Quốc ở thời điểm đó, đời sống nông dân rất thấp kém. Đa số ruộng đất theo thời gian rơi vào tay số ít người. Quan lại thường áp bức và tham nhũng; các vị chúa cai trị sống hoang phí trong những cung điện lớn.

Cuộc chiến Trịnh Nguyễn phân tranh kết thúc năm 1672 và cuộc sống của những người nông dân ở phía bắc của các chúa Trịnh khá yên bình. Trong khi đó ở phía nam, các chúa Nguyễn thường gây chiến với Đế chế Khmer yếu ớt ở bên cạnh và sau đó là với cả một nước khá mạnh là nước Xiêm. Các chúa Nguyễn thường thắng trận và mở mang thêm đất đai phía nam. Đầu thế kỉ XVIII, chính quyền phong kiến do họ Trịnh từ phủ chúa cho đến các làng xã đã trở thành bộ máy quan liêu nặng nề và ăn bám xã hội.

Từ giữa thế kỷ XVIII, người nông dân bị bần cùng và họ đã đứng lên khởi nghĩa cả ở Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong. So với Đàng Trong, phong trào nông dân Đàng Ngoài mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa quận He, quận Hẻo, chàng Lía, Hoàng Công Chất... ở Đàng Ngoài và Đàng Trong nhìn chung đều chưa đủ quy mô, sức mạnh và sự liên kết cần thiết để đánh đổ chính quyền cai trị. Người nông dân không chỉ bị chấp chiếm, cướp đoạt hết ruộng đất mà còn bị chế độ tô thuế, lao dịch, binh dịch bòn rút đến kiệt quệ. Mặt khác, những người cầm quyền lúc đó như Trịnh Doanh ở Đàng Ngoài và Nguyễn Phúc Khoát ở Đàng Trong có đủ tài năng, uy tín để huy động lực lượng trấn áp các cuộc khởi nghĩa.

Hạn hán, lũ lụt, vỡ đê và mất mùa xảy ra liên tiếp khiến đồng ruộng bỏ hoang, xóm làng tiêu điều xơ xác, toàn bộ nền sản xuất nông nghiệp bị đình đốn và bị phá hoại nghiêm trọng. Người nông dân muốn duy trì cuộc sống của mình, không còn con đường nào khác là nổi dậy chống lại giai cấp thống trị.

Ở Đàng Trong Sau khi Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát chết, chính quyền họ Nguyễn rơi vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. Loan thao túng triều chính, tự xưng là "Quốc phó", giết Nguyễn Phúc Luân (cha Nguyễn Phúc Ánh) và lập Nguyễn Phúc Thuần, lúc đó mới 12 tuổi lên ngôi, tức là Định vương.

Năm 1769, vị vua mới của nước Xiêm là P'ya Taksin tức Trịnh Quốc Anh tung ra một cuộc chiến nhằm tìm cách lấy lại quyền kiểm soát nước Chân Lạp (Campuchia) vốn chịu nhiều ảnh hưởng của chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn buộc phải lùi bước khỏi những vùng đất mới chiếm.

Chính sự họ Nguyễn ngay từ thời Nguyễn Phúc Khoát đã gây những ảnh hưởng tiêu cực cho dân chúng. Hệ thống thuế khóa phức tạp, cồng kềnh, nặng nề, quan dưới lạm thu khiến dân phải nộp nhiều hơn quy định. Thuế thổ sản có tới hàng ngàn thứ, tính cả những sản vật nhỏ nhặt. Năm 1741, Phúc Khoát ra lệnh truy thu thuế của cả những người bỏ trốn. Tới năm 1765 lại có lệnh truy thu thuế còn thiếu của 10 năm trước

Sang thời Trương Phúc Loan nắm quyền, dân Đàng Trong càng bị bóc lột nặng nề hơn. Loan nổi tiếng là tham lam, vơ vét của công, mua quỵt của các thương nhân nước ngoài. Có đợt sau trận lụt, nhà Loan bày vàng ra phơi "sáng chóe" cả sân.

Thất bại trước những cuộc đụng độ với Xiêm La cộng với sưu thuế nặng nề cùng tình trạng tham nhũng tại địa phương khiến cho chính quyền họ Nguyễn đã yếu càng yếu thêm. Đó chính là thời cơ để ba anh em Tây Sơn bắt đầu khởi nghĩa chống lại chúa Nguyễn.

Đến cuối thập niên 30, đầu 40 (XVIII), Đàng Ngoài đã bùng nổ hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân, lôi cuốn hàng vạn người tham gia như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu ở vùng Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương; khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương ở Vĩnh Phúc; khởi nghĩa của Hoàng Công Chất lúc đầu ở Thái Bình, Hưng Yên, sau chuyển lên Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và ngởi nghĩa Lê Duy Mật ở thượng du Thanh Hóa…

Mặc dù cuối cùng các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại, nhưng nó đã làm nghiêng ngả toàn bộ nền thống trị của chính quyền họ Trịnh, chuẩn bị cho sự bùng nổ và thắng lợi của phong trào Tây Sơn.

1. **DIỄN BIẾN.**

**2.1. Lật đổ các tập đoàn phong kiến, bước đầu thống nhất đất nước.**

**2.1.1. Phong trào Tây Sơn bùng nổ và quân Tây Sơn làm chủ toàn bộ Đàng Trong.**

Khởi phát từ ấp Tây Sơn, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ tập hợp lực lượng, ban đầu chủ yếu là người Thượng, đứng lên khởi nghĩa. Lấy danh nghĩa chống lại Quốc phó Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương là cháu đích tôn của Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Nhạc phất cờ nổi dậy năm 1771 ở Tây Sơn thượng đạo (An Khê, Gia Lai). Bởi Tây Sơn mang danh nghĩa ủng hộ hoàng tôn Dương và khi đánh trận thường la ó ầm ĩ nên dân gian có câu:

"Binh triều là binh Quốc phó

Binh ó là binh Hoàng tôn"

Tây Sơn có được sự ủng hộ rất lớn của dân chúng, không chỉ những người nông dân nghèo mà cả một số sắc dân thiểu số và lực lượng người Hoa như hai đạo quân của Lý Tài, Tập Đình. Lực lượng Tây Sơn không những đánh đâu thắng đó mà còn nổi tiếng vì bình đẳng, bình quyền, không tham ô của dân và lấy của người giàu chia cho người nghèo. Điều đó được các giáo sĩ Tây Ban Nha, điển hình là Diego de Jumilla ghi lại, sách Les Espagnols dans l’Empire d’Annam trích dẫn như sau: "Ban ngày họ xuống các chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, có ngưòi mang súng. Họ không hề làm thiệt hại đến người và của. Trái lại họ tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người Đàng Trong; họ vào nhà giàu, nếu đem nộp họ ít nhiều thì họ không gây tổn hại, nhưng nếu chống cự lại thì họ cướp lấy những của quý đem chia cho người nghèo; họ chỉ giữ gạo và lương thực cho họ mà thôi... Người ta gọi họ là bọn cướp đạo đức và nhân từ đối với quần chúng nghèo khổ...".

Sau khi đứng vững ở địa bàn ấp Tây Sơn, năm sau, cuộc khởi nghĩa lan rộng và nghĩa quân đã thắng một số trận chống lại quân chúa Nguyễn được phái tới trấn áp cuộc khởi nghĩa.

Năm 1773 quân Tây Sơn dùng mưu đánh chiếm được thành Quy Nhơn. Tương truyền Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi cho quân lính của mình khiêng đến trá hàng, nộp quân họ Nguyễn. Nửa đêm, ông phá cũi, cùng quân trá hàng làm nội ứng và quân bên ngoài tới phối hợp đánh chiếm thành. Thành này là nơi các nhà buôn, vì đã phải chịu nhiều luật lệ ngăn cấm do triều đình họ Nguyễn đưa ra, đã quay sang ủng hộ tài chính cho Tây Sơn.

Sau khi hạ thành Quy Nhơn, quân Tây Sơn nhanh chóng đánh xuống phía nam, kiểm soát vùng đất từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận.

Từ năm 1776 đến 1783, quân Tây Sơn liên tục mở các cuộc tấn công vào vùng đất Gia Dịnh, giải phóng hầu hết đất ở Đàng Trong và tiêu diệt lực lượng cát cứ của chúa Nguyễn.

Họ Nguyễn, khi cuối cùng đã nhận ra sự nguy hiểm của cuộc khởi nghĩa, đã ký hòa ước với người Xiêm, từ bỏ một số vùng họ đã chiếm được trong những thập kỷ trước đó. Tuy nhiên không vì thế mà họ Nguyễn được rảnh tay đánh Tây Sơn. Tháng 10 năm 1774, chúa Trịnh Sâm, sau 100 năm giữ hòa bình với chúa Nguyễn, sai Quận Việp Hoàng Ngũ Phúc, một viên tướng lão luyện, mang 4 vạn quân vào nam tấn công Phú Xuân (Huế), cũng lấy danh nghĩa trừng phạt Trương Phúc Loan. Mặc dù chúa Nguyễn Phúc Thuần buộc phải trói Loan nộp cho Hoàng Ngũ Phúc nhưng rồi quân Trịnh vẫn tiến. Quân Nguyễn không chống nổi, quân Trịnh chiếm thành Phú Xuân, buộc họ Nguyễn phải bỏ chạy về Quảng Nam. Nhưng tại đây chúa Nguyễn lại bị Tây Sơn đánh ra uy hiếp, bắt được hoàng tôn Dương. Chúa Nguyễn cùng thế phải vượt biển trốn vào Gia Định (tức Sài Gòn). Hoàng tôn Dương sau đó cũng dùng kế trốn thoát theo chúa Nguyễn.

Quân Trịnh tiếp tục đi về phía nam vượt đèo Hải Vân và đụng độ với quân Tây Sơn ở Quảng Nam. Quân Tây Sơn thua trận. Trước tình thế "lưỡng đầu thọ địch", Nguyễn Nhạc xin giảng hòa với quân Trịnh, trên danh nghĩa đầu hàng nhà Lê, xin làm tiên phong đi đánh chúa Nguyễn ở Gia Định. Chúa Trịnh bằng lòng và phong chức cho Nguyễn Nhạc.

Tạm yên mặt bắc, Tây Sơn tập trung lực lượng tiếp tục việc chinh phục phía nam. Trong gần 10 năm (từ 1776 đến 1783) quân Tây Sơn nhiều lần vào đánh chiếm Gia Định. Năm 1777, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn bắt được cả Định vương Thuần lẫn Hoàng tôn Dương đem xử tử. Một cháu trai là Nguyễn Ánh, con của Nguyễn Phúc Luân, lúc đó 15 tuổi, chạy thoát ra đảo Thổ Chu.

Quân Tây Sơn nhiều lần đánh vào nam và truy sát nhưng nhờ may mắn, Ánh đều trốn thoát, có lần phải lênh đênh ngoài biển dưới bão mấy ngày.

Đến năm 1783, sau khi Nguyễn Huệ ra quân lần thứ tư, quân Nguyễn thua to, quân Nguyễn Ánh bị đánh bật khỏi nước Đại Việt. Nguyễn Ánh bỏ chạy, trốn thoát sang Xiêm.

Khi cơ bản chinh phục được họ Nguyễn, tăng cường sức mạnh và uy thế, năm 1778, sau khi giết được Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương, Nguyễn Nhạc tự xưng làm vua, lập triều đại Tây Sơn, đặt niên hiệu là Thái Đức, đóng đô tại thành Quy Nhơn (thành Đồ Bàn cũ của nước Chiêm Thành), đổi tên thành Hoàng đế thành, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ là Long Nhương tướng quân, không ràng buộc với chúa Trịnh nữa.

**2.1.2. Tiến quân ra Bắc lật đổ tập đoàn phong kiến Trịnh, Lê.**

Tại Bắc Hà, năm 1782, Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm chết. Con nhỏ Trịnh Cán được lập. Phe người con lớn là Trịnh Tông (hay Trịnh Khải) làm binh biến, giết quan phụ chính là quận Huy Hoàng Tố Lý (cháu lão tướng Hoàng Ngũ Phúc) đưa Trịnh Tông lên ngôi, tức là Đoan Nam vương (1782-1786).

Một tướng cùng phe với quận Huy là Nguyễn Hữu Chỉnh không hợp tác với Trịnh Tông, bỏ chạy vào nam hàng Tây Sơn và được Nguyễn Nhạc rất tín nhiệm.

Bắc Hà ngày một suy yếu. Kinh thành Thăng Long bị quân kiêu binh - những kẻ có công tôn lập chúa Trịnh - càn quấy, tàn phá. Sau khi đánh bật được Nguyễn Ánh ra khỏi lãnh thổ, Nguyễn Nhạc quyết định đánh chiếm Phú Xuân (đất cũ của chúa Nguyễn). Năm 1786, ông cử Nguyễn Huệ làm tổng chỉ huy đánh ra Bắc.

Về phía Trịnh, năm 1775, sau khi nhận hàng Nguyễn Nhạc, lão tướng Hoàng Ngũ Phúc rút đại quân về Bắc, để lại Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thể giữ thành Phú Xuân, sau đó không lâu qua đời.

Với danh nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh", Nguyễn Huệ sai Chỉnh làm tiên phong Bắc tiến. Quân Trịnh rệu rã nhanh chóng thua trận, các danh tướng phần nhiều nghe tin Phú Xuân thất thủ đã khiếp sợ, đến khi nghe quân Tây Sơn kéo ra, đa số đã bỏ trốn. Chúa Trịnh không được lòng dân, bỏ thành Thăng Long chạy, bị dân bắt đem nộp Tây Sơn. Trên đường áp giải, Trịnh Tông tự sát.

Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long yết kiến vua Lê Hiển Tông. Tuy về danh nghĩa Nguyễn Huệ trao trả quyền chính lại cho vua Lê và nhận phong Nguyên súy Dực chính phù vận Uy quốc công, nhưng trong thực tế, ông nắm toàn bộ quyền chính ở Bắc Hà. Do sự sắp xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Lê Hiển Tông gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ.

Tháng 7 năm 1786, vua Lê Hiển Tông qua đời, thọ 70 tuổi. Do áp lực của tôn thất nhà Lê đối với Ngọc Hân, Nguyễn Huệ đành thu xếp cho Lê Duy Kỳ lên ngôi vua, đó là vua Lê Chiêu Thống.

Sau khi quân Tây Sơn rút đi, các thế lực của chúa Trịnh từng bỏ trốn khi Tây Sơn kéo ra như Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ trỗi dậy, lập Trịnh Bồng lên ngôi vương, tức là Án Đô vương, tái lập chính quyền chúa Trịnh.

Vua Lê Chiêu Thống đang muốn chấn hưng nhà Lê bèn mời Nguyễn Hữu Chỉnh đang trấn ở Nghệ An ra dẹp Trịnh Bồng. Chỉnh nhanh chóng đánh tan quân Trịnh, đốt phủ chúa, Trịnh Bồng bỏ đi mất tích. Họ Trịnh mất hẳn, nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh lại lộng hành như chúa Trịnh trước kia.

Cuối năm 1787 Nguyễn Huệ cử Ngô Văn Sở, Vũ Văn Nhậm đêm quân ra diệt Chỉnh. Trước sự tấn công của quân Tây Sơn, Nguyễn Hữu Chỉnh và Lê Chiêu Thống rủ nhau chạy lên phía bắc, đến vùng đất Yên Thế (Bắc Giang) Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt và giết. Lê Chiêu Thống trốn thoát rồi vượt biên chạy sang đất Quảng Tây. Nhà Lê sụp đổ sau gần bốn thế kỷ trị vì đất nước.

*Như vậy, sau hơn 15 năm khởi nghĩa, đánh nam, dẹp bắc, quân Tây Sơn ngày càng lớn mạnh đã hoàn thành một sự nghiệp to lớn: đánh đổ 3 tập đoàn phong kiến thống trị Nguyễn, Trịnh và Lê. Bước đầu thống nhất đất nước.*

* 1. **Kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.**
     1. **Kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm (1785).**

Chính quyền chúa Nguyễn bị đánh đổ nhưng Nguyễn Ánh không chịu từ bỏ mong muốn khôi phục cơ đồ của dòng họ. Trong thời gian còn chống trả Tây Sơn tại Nam Bộ, Nguyễn Ánh nhiều lần thông qua giám mục Pigneau de Béhaine (hay Bá Đa Lộc) để cầu viện người Pháp nhưng không thu được nhiều kết quả. Do đó Ánh có ý chuyển sang cầu viện ở Xiêm La.

Tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh từ Hà Tiên sang Xiêm La hội kiến với vua Xiêm La là Chất Tri (Chakri, Rama I) tại Vọng Các (Bangkok).

Cuối tháng 7/ 1784, Vua Xiêm sai hai tướng là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 2 vạn quân thủy cùng 300 chiến thuyền. Ngoài ra còn có 3 vạn quân bộ tiến sang Chân Lạp với danh nghĩa giúp vua Chân Lạp, thực chất với ý đồ tạo gọng kìm phía Tây, chờ cơ hội tiêu diệt quân Tây Sơn.

Quân Xiêm nhanh chóng lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc. Tuy nhiên, do ỷ thế đi đến đâu quấy nhiễu dân sự, làm nhiều điều tàn ác, cho nên bị dân chúng oán hận, ngay cả chúa Nguyễn Ánh cũng phải nói trong 1 bức thơ gởi cho linh mục J. Liot: "Nay thì Xiêm binh đại tứ lỗ lược, dâm nhơn phụ nữ, lược nhân tài vật, túng sát bất dung lão thiếu. Vậy nên Tây tặc binh thế nhựt thạnh, Xiêm binh thế nhựt suy. Cớ ấy qua tháng chạp, mùng tám vừa thất lợi, các giai hội tản”... .

Tướng Tây Sơn giữ đất Gia Định là phò mã Trương Văn Đa, thấy quân Xiêm thế lực mạnh, bèn cố thủ tại Gia Định và sai người về Quy Nhơn báo. Vua Tây Sơn sai Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ đem quân vào đánh.

Tháng 1/1785, Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn vượt biển vào Gia Định và đóng đại bản doanh tại Mĩ Tho, Nguyễn Huệ chủ trương nhử địch ra khỏi căn cứ, tổ chức lực lượng mai phục ở khúc sông Tiền, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mứt để tiêu diệt chúng. Trận đánh diễn ra và kết thúc nhanh gọn trong ngày 19/1/1785, đúng như dự tính của Nguyễn Huệ. Trên đà chiến thắng, quân Tây Sơn tấn công quét sạch quân xâm lược Xiêm ra khỏi bờ cõi, đập tan tham vọng của vua Xiêm đối với phần lãnh thổ cực Nam của nước ta.

Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút thể hiện tài năng quân sự kiệt xuất của vị chủ soái Nguyễn Huệ và tinh thần chiến đấu anh dũng, quyết liệt của quân đội Tây Sơn. Chiến thắng đó cũng khẳng định quyền làm chủ xứng đáng của nghĩa quân Tây Sơn đói với vùng đất Đàng Trong đường thời.

* + 1. **Kháng chiến chống quân xâm lược Thanh (1789).**

Trong bước đường cùng, Lê Chiêu Thống đã cho người sang cầu cứ nhà Mãn Thanh. Cuối năm 1788, vua Thanh đương thời là Càn Long sai Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy hơn 29 vạn quân giao cho Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, theo 4 đường tiến đánh nước ta.

Quân Tây Sơn ở Bắc Hà lúc đó chỉ có hơn 1 vạn người, phải tạm thời rút lui về lập phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn. Ngay sau khi nhận được tin quân Thanh xâm lược, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, thống suất đại quân khẩn trương lên đường ra Bắc diệt giặc. Trên đường hành quân, đi đến đâu nghĩa quân cũng được sự ủng hộ mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân yêu nước.

Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22 tháng 12 năm 1788), Bắc Bình vương Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Với lý do vua Lê đã bỏ nước và rước giặc về, để có danh nghĩa chính thống, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung.

Ngày 29 tháng 11 năm Mậu Thân (26 tháng 12 năm 1788), đại quân của hoàng đế Quang Trung tới Nghệ An, dừng quân tại đó hơn 10 ngày để tuyển quân và củng cố lực lượng, nâng quân số lên 10 vạn, tổ chức thành 5 đạo quân: tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Ngoài ra còn có một đội tượng binh với hơn 100 voi chiến. Vua Quang Trung còn tổ chức lễ duyệt binh ngay tại Nghệ An để khích lệ ý chí quyết chiến, quyết thắng của tướng sĩ đối với quân xâm lược Mãn Thanh. Ngay sau lễ duyệt binh, Quang Trung tiến quân ra Bắc Hà.

Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (15 tháng 1 năm 1789), đại quân của Quang Trung đã ra đến Tam Điệp, Ninh Bình. Sau khi xem xét tình hình, Quang Trung nói với toàn quân rằng chỉ trong 10 ngày sẽ quét sạch quân Thanh.

Sớm hơn cả dự kiến, chỉ trong vòng 5 ngày kể từ đêm 30 Tết âm lịch, quân Tây Sơn đã đánh tan 29 vạn quân Thanh bằng hàng loạt trận đánh tập kích, mai phục, thần tốc và chớp nhoáng mà trận Ngọc Hồi - Đống Đa là tiêu biểu. Trưa mồng 5 Tết Kỷ Dậu - 1789, quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long.

Tôn Sĩ Nghị dẫn tàn quân bỏ chạy, trên đường chạy liên tiếp bị quân Tây Sơn mai phục chặn đánh. Cuối cùng, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống chạy thoát về Trung Quốc.

*Như vậy, chỉ trong vòng chưa đầy 5 ngày đêm vừa đánh vừa hành quân thần tốc vừa chiến đấu quyết liệt, dũng cảm, cơ động và đầy sáng tạo, dưới sự chỉ đạo của người chỉ huy quân sự thiên tài Quang Trung – Nguyễn Huệ, quân ta đã đập tan hoàn toàn mộng tưởng xâm chiếm nước ta của quân Thanh cũng như âm mưu “rước voi giày mồ” của bè lũ Lê Chiêu Thống, giữ vững nền độc lập dân tộc. Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa cũng như tên tuổi của người anh hùng áo vải Quang Trung mãi mãi sáng ngời trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc anh hùng của dân tộc ta.*

Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa đã đi vào lịch sử như một trong những chiến chông hiển háchnhất trong lịch sử chống ngoại xâm của vô cùng oanh liệt của dân tộc Việt Nam. Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa đã kết thúc 17 năm liên tục chiến đấu của nghĩa quân Tây Sơn. Đánh tan cuộc chiến tranh xâm lược của Mãn Thanh, bảo vệ nên độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

**III. VƯƠNG TRIỀU TÂY SƠN**

**3.1. Sự thành lập.**

Sau những thắng lợi bước đầu của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, đặc biệt là đối với vùng đất phía nam, năm 1778, Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, lấy thành Đồ Bàn (Bình Định) làm kinh đô với tên mới là Hoàng đế. Nguyễn Huệ được phong làm phụ chính, Nguyễn Lữ làm thiếu phó. Nhiều tướng lĩnh khác cũng được phong chức tước. Khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc hà, lật đổ chúa Trình rồi rút về Quy Nhơn. Hai anh em nảy sinh bất hòa, xung đột.

Cuối năm 1788, nhận chức Bắc bình vương do Nguyễn Nhạc phong, Nguyễn Huệ trở thành người cai quản thực sự vùng đất từ Quảng Nam trở ra Bắc, mặc dầu Bắc Hà còn tồn tại chính quyền của vua Lê. Năm 1788, khi quân Mãn Thanh vào Thăng Long, Nguyễn Huệ đã lập đàn tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế với niên hiệu là Quang Trung. Sau khi đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi vua Quang Trung bắt tay vào việc xây dựng chính quyền, thi hành chính sách đối nội đối ngoại.

**3.2. Tổ chức chính quyền.**

Năm 1788, sau khi tiêu diệt lực lượng quân sự của Nguyễn Hữu Chỉnh, Bắc bình vương Nguyễn Huệ đã cử các võ tướng của mình cai quản các trấn ở Bắc hà. Năm 1789, triều đình mới được tổ chức quy củ. Hoàng đế nắm mọi quyền hành. Công chúa Ngọc Hân được phong làm Bắc cung hoàng hậu. Nguyễn Quang Toản được lập làm thái tử. Bên dưới hình thành một lớp quan cao cấp, bao gồm các chức tam Thái, tam Thiếu, tam Tư, đại tổng quản, đại quản lí… Công việc nhà nước được phân cho 6 bộ do thượng thư đứng đầu, viện Hàn Lâm, Ngự sử đài, viện Sùng chính… Các đơn vị hành chính địa phương vẫn giữ như cũ. Trấn do Trấn thủ là võ quan đứng đầu, giúp việc có Hiệp trấn là văn quan. Các huyện đều đặt 2 chức văn phân tri và võ phân suất trông coi. Tổng có tổng trưởng, xã có xã trưởng.

Quang Trung thưc hiện chế độ phân phong các con trấn trị các khu vực quan trọng như Quang Thùy phụ trách Bắc Thành tiết chế, Quang Bàn đốc trấn Thanh Hoa.

Hàng ngũ quan lại bao gồm thân thuộc của nhà vua các võ tướng Tây Sơn và các cựu thần nhà Lê, tự nguyện hợp tác với triều Tây Sơn (Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích,Vũ Huy Tuấn, Nguyễn Nhiếp…). Quang Trung rất trân trọng những nho sĩ này và thường giao cho các chức vụ quan trọng.

Để tiện việc điều hành, Quang Trung quyết định chọn đất thành lập kinh đô mới. Việc xây dựng được xúc tiens ngay sau khi chọn vùng chân núi Dũng Quyết (Nghệ An) làm trung tâm với tên gọi là Phượng Hoàng trung đô.

Quân đội dược kiện toàn và củng cố, bao gồm tinh binh, bộ binh, tượng binh, kị binh và pháo binh. Chiến thuyền có nhiều loại, có loại lớn chở được voi chiến, trang bị 50,60 đại bác, chở được 500 – 700 quân. Vũ khí có giáo mắc, cung tên, súng trường, đại bác, hỏa nổ. Để huy động lực lượng nhân dân, Quang Trung đã tiến hành việc lập lại sổ hộ ở các xã. Tất cả trai tráng đều ghi tên vào sổ hộ.

Về luật pháp, Quang Trung đã có dự kiến cho người soạn thảo một bộ luật mới cho triều đại mình, song không làm được.

Trên cơ sở bộ máy nhà nước mới, Quang Trung cố gắng củng cố trật tự, an ninh đất nước. Bấy giờ, mặc dầu phần lớn nhân dân đã hướng về triều vua mới, không ít cựu thần nhà Lê, hào lí địa phương vẫn chưa chịu từ bỏ mưu đồ phục hổi nhà Lê và chế độ cũ.

**3.3. Phục hồi và phát triển kinh tế.**

Tình hình Bắc hà những năm 1788 – 1789 hết sức khó khăn: “Luôn năm mất mùa đói kém,dân gian trôi giạt lưu li, cha con không thể nuôi nhau, anh em không thể nương nhau”, “mất mùa dịch tễ, kẻ thì chết đói, người thì phiêu bạt”, ruộng đất bỏ hoang khắp nơi.

Nông nghiệp: Một trong những việc làm đầu tiên của triều vua Quang Trung là nhanh chóng phục hổi sản xuất nông nghiệp. Năm 1789, “chiếu khuyến nông” được ban bố: “Đạo lo cho dân không gì bằng hôi phục dân lưu tán, khai khẩn ruộng bỏ hóa…” “từ lúc trải qua loạn lạc đến nay, binh lửa liên miên bận rộn, lại thêm đói kém, nhân khẩu lưu tán, đồng ruộng bỏ hoang. Số đinh điền thực trung mười phần không còn được 4 – 5…” và quy định:

+ Dân lưu tán phải nhanh chóng trở về quê cũ, xã nào chứa chấp người trốn trảnh phải bị trừng phạt. Làng xã phải cung cấp ruộng đất công cho họ cày cấy, nộp thuế.

+ Hạn đến tháng 9 năm Kỉ Dậu (10/1789) phải làm xong sổ ruộng nộp lên.

+ Hạn trong 3 năm, ruộng đất trong xã đều phải được cày cấy. “Ruộng hoang xã nào đến hạn mà không có người nhận khai khẩn, nếu là ruộng công thì sắc mục xã ấy phải theo mức thuế mà nộp gấp đôi, nếu là ruộng tư thì sung công, nộp thuế như ruộng công”.

Những chính sách này đã có tác dụng rất lớn. Trong vòng 3, 4 năm sau “mùa màng trở lại phong đăng, năm phần mười trong nước khôi phục được cảnh thái bình”.

Công thương nghiệp: Với mong muốn xây dựng một nền kinh tế công thương nghiệp phát triển, chính quyền Quang Trung chủ trương khuyến khích phục hồi và mở rộng các làng thủ công cũng như việc trao đổi buôn bán trong nước và với nước ngoài.

Tài chính: Chính quyền Quang Trung cho đúc tiền mới để tiêu dùng. Thuế khóa được định lại từ thuế ruộng đất các loại đất các loại đến thuế thân, phụ thu, các loại thuế công thương nghiệp….

Sau một thời gian thực hiện khẩn trương các chính sách kinh tế, cuộc sống của nhân dân vùng đất của triều đại Quang Trung trở lại ổn định với một số biểu hiệu mở rộng về mặt công thường nghiệp.

**3.4. Văn hóa giáo dục.**

Tôn sùng Nho giáo nhưng tỏ ra tất rộng rãi với các tôn giáo khác. Một số chùa chiền được phục hồi, tu bổ. Những nhà sư có đạo đức, sùng đạo đều được trụ trì ở các chùa, tiếp tục giảng đạo hàng năm, những kẻ “trốn việc quan đi ở chùa”, “sư mang hổ” đều bị bắt hoàn tục. Các giáo sứ đạo Kitô được tự do truyền đạo và được tôn trọng nếu họ chỉ làm việc tôn giáo của mình.

Chữ Nôm được đề cao lên vị trí chữ viết chính thức của dân tộc. Theo quy định của Quang Trung, mọi chiếu chỉ, mệnh lệnh, văn tế, thư từ của nhà nước đều phải viết bằng chữ Nôm. Nhờ đó, chữ Nôm ngày càng được sử dụng rộng rãi trong giới trí thức, trong nhân dân. Nhiều nhà thơ Nôm xuất hiện.n

Quang Trung chủ trương đưa chữ Nôm bào giáo dục và khoa cử. Năm 1792, ông cho thành lập viện Sùng chính, mời L Sơn phu tử Nguyễn Thiếp làm viện trưởng. Một số nhà nho giỏi cũng được đưa vào đây để chuyên dịch sách thi, thư ra chữ Nôm chuẩn bị làm tài liệu giáo dục cho nhân dân cả nước. Phương pháp học tập cũng được chấn chỉnh theo đúng tinh thần kết hợp học với hành như đề nghị của Nguyễn Thiếp.

Chính sách văn hóa, giáo dục cũng như thực trạng tôn giáo, học hành thi cử thời Quang Trung đã thể hiện rõ sự bùng lên của ý thức dân tộc, của mong muốn vươn lên tiến tiến của người dân đương thời.

**3.5. Đối ngoại.**

Sau khi đánh bại 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long, một vấn đề lớn được đặt ra cho triều Quang Trung là nhanh chóng đạt được mối quan hệ hòa hiếu với nhà Thanh.

Mùa thu năm 1789, Càn Long đã sai sứ sang phong Quang Trung làm An Nam quốc vương. Sứ bộ của ta cũng sang nhà Thanh đưa thư cầu hòa. Quang Trung xin được nhà Thanh bỏ lệ cống người vàng, mở cửa ải cho hai bên buôn bán. Quan hệ Việt – Trung hòa hiếu tốt đẹp.

Đối với các nước phía tây như Lào, Miến Điện, Quang Trung đều có quan hệ tốt.

Triều Tây Sơn đang đi dần vào thế ổn định với xu thế tiến bộ, cuộc sống của nhân dân cũng đang hồi phục, tháng 9/1792, Quang Trung đột ngộ qua đời, triều Tây Sơn dần suy thoái và sụp đổ năm 1802 sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi lập ra nhà Nguyễn.

**IV. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN.**

**4.1. Sự phát triển về quy mô và kết hợp vấn đề giai cấp – dân tộc.**

Tây Sơn là vùng đất thuộc phủ Quy Nhơn, dinh Quảng Nam – là khu vực trù phú nhưng cũng là vùng chịu tô thuế hà khắc thời bởi các chính sách áp bức của các chúa Nguyễn. Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lên vùng Tây Sơn thượng đạo (nay thuộc An Khê, Gia Lai) lập căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa chống chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

Trong giai đoạn đầu của phong trào, nghĩa quân Tây Sơn tranh thủ được sự ủng hộ của các cá nhân thuộc giai cấp thống trị bằng khẩu hiệu “đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương”. Nguyễn Nhạc đã lợi dụng mâu thuẫn này để phân hóa kẻ thù, kết quả là phong trào không những thu hút được các tầng lớp nhân dân mà còn lôi kéo được một bộ phận trong tầng lớp thống trị vốn bất bình với phe cánh của Trương Phúc Loan “hào mục bản thổ đua nhau nổi dậy hưởng ứng với Nhạc, thế giặc càng ngày càng bùng lên”.

Ngoài ra, Tây Sơn còn tập hợp được đông đảo nông dân trong vai trò chủ lực của nghĩa quân qua khẩu hiệu “lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo” – quyền lợi kinh tế gắn liền với nông dân. Điều đó được các giáo sĩ Tây Ban Nha, điển hình là Diego de Jumilla ghi lại, sách *Les Espagnols dans l’Empire* *d’Annam* trích dẫn như sau: “Ban ngàyhọ xuống các chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, có người mang súng. Họ không hề làm thiệt hại đến người và của. Trái lại họ tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người Đàng Trong; họ vào nhà giàu, nếu đem nộp họ ít nhiều thì họ không gây tổn hại, nhưng nếu chống cự lại thì họ cướp lấy những của quý đem chia cho người nghèo; họ chỉ giữ gạo và lương thực cho họ mà thôi”...

Tây Sơn không những tranh thủ được sự ủng hộ của nông dân mà phong trào còn tranh thủ được các tầng lớp khác như hào trưởng có thế lực ở vùng Thuận Nghĩa, ông bầu gánh hát tuồng Nhung Quy, kép hát Tư Linh. Đặc biệt, có cả thương nhân Trung Quốc như Tập Đình, Lý Tài – một trong những lực lượng đóng góp về tài chính nhiều nhất cho nghĩa quân. Đồng thời, Nguyễn Nhạc với chính sách “thượng vận” đã thu hút một phần lớn cư dân miền núi, người Thượng, những người rất thông thạo về đường sá, giỏi bắn cung, đặc biệt là rất trung thành, đã tin ai là tin đến cùng. Từ căn cứ Tây Sơn, nghĩa quân tỏa về giải phóng các làng xã, trừng trị bọn xã trưởng, quan thu thuế, đốt hết các giấy tờ sổ sách, tuyên bố bãi bỏ mọi thứ thuế, nghĩa quân đi đến đâu đều được nông dân hưởng ứng tham gia.

Từ căn cứ Tây Sơn thượng đạo, với các khẩu hiệu “đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương”, “lấy của nhà giàu chia cho người nghèo”, nghĩa quân nhanh chóng được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân. Nghĩa quân dần mở rộng căn cứ xuống vùng đồng bằng, thanh thế nghĩa quân lan rộng nhanh chóng. Năm 1773, quân đội Tây sơn kiểm soát phần lớn phủ Quy Nhơn. Lần đầu tiên nghĩa quân hạ được một thành lũy, dinh thự của quan lại phong kiến, uy thế của nghĩa quân lên cao. Chiếm được thành Quy Nhơn, nghĩa quân mở rộng đánh và chiếm Quảng Ngãi. Đó là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của cuộc khởi nghĩa. Đến cuối năm 1773, vùng kiểm soát của Tây Sơn kéo dài từ phía nam Quảng Ngãi đến Khánh Hòa. Tuy nhiên, đến giữa năm 1774, quân của chúa Nguyễn phản công và đánh chiếm lại Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, quân Tây Sơn chỉ kiểm soát căn cứ Quy Nhơn và Quảng Ngãi.

Năm 1776, Nguyễn Lữ đem quân đánh vào Gia Định, quân chúa Nguyễn phải bỏ thành Gia Định, chạy lên Trấn Biên. Năm 1777, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ tiến quân vào Gia Định lần thứ hai, quân Tây Sơn đánh bại và bắt giết chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương, Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát, chấm dứt sự thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Năm 1786, Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, lật đổ tập đoàn chúa Trịnh, trao trả quyền lực cho vua Lê Hiển Tông. Vua Lê phong Nguyễn Huệ làm Uy quốc công và gả công chúa Ngọc Hân cho ông, cắt đất Nghệ An nhường cho Tây Sơn. Sau khi Tây Sơn trở vào Nam, tình hình Bắc hà trở nên rối loạn, Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền, Nguyễn Huệ cử Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân cùng Vũ Văn Nhậm diệt Nguyễn Hữu Chỉnh, còn vua Lê (Lê Chiêu Thống) chạy lên Kinh Bắc, rồi chạy sang Trung Quốc cầu cứu nhà Thanh, sự nghiệp thống trị của nhà Lê đến đây chấm dứt.

Tóm lại, từ một phong trào nổ ra ở địa phương, sau 18 năm phong trào Tây Sơn đã phát triển mạnh mẽ ra phạm vi cả nước, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và đạt được nhiều thắng lợi. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có một phong trào nông dân phát triển rộng lớn, kéo dài với quy mô ngày càng mở rộng, lực lượng tham gia đông đảo về thành phần và số lượng. Phong trào không những đã đánh đổ cả ba chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê, chấm dứt tình trạng chia cắt đất nước mà còn đánh bại giặc ngoại xâm Xiêm, Thanh, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, phong trào nông dân Tây Sơn là phong trào duy nhất có sự kết hợp giữa việc giải quyết vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, đó chính là sự chuyển biến về tính chất của phong trào so với các phong trào nông dân khác.

Sự chuyển biến về tính chất được thực hiện từ lúc nghĩa quân Tây Sơn lật đổ sự thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Nguyễn Ánh chạy thoát, cầu viện quân Xiêm với âm mưu khôi phục chế độ phong kiến phản động. Với chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, một mặt làm thất bại âm mưu xâm lược của quân Xiêm, mặt khác đưa phong trào Tây Sơn phát triển lên một tầm cao mới, làm chủ toàn bộ Đàng Trong, tạo điều kiện tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ chính quyền thống trị Lê – Trịnh.

Lần thứ hai, lòng yêu nước được thăng hoa, trở thành đỉnh cao, là biểu tượng cho thời đại Tây Sơn khi nhân dân ta tập trung sức người, sức của chống quân xâm lược Mãn Thanh. Với chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa vào Tết Kỷ Dậu 1789, giải phóng Thăng Long, hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và thống nhất nước nhà.

Sự chuyển biến về quy mô và tính chất là một nét đặc sắc của phong trào nông dân Tây Sơn trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Từ căn cứ Tây Sơn thượng đạo, phong trào Tây Sơn đã phát triển lớn mạnh, trở thành một phong trào quật khởi của cả dân tộc. Phong trào Tây Sơn ban đầu có tính chất địa phương, sau trở thành trung tâm thu hút mạnh mẽ quần chúng nhân dân tham gia và phát triển thành phong trào có phạm vi hoạt động rộng lớn trên phạm vi cả nước, có sự kết hợp giữa việc giải quyết vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc.

**4.2. Gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.**

Nét nổi bật của phong trào Tây Sơn không chỉ là sự kết hợp giữa việc giải quyết vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, mà còn là cuộc tranh đấu nhằm giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Năm 1788, vua Càn Long nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, huy động từ Lưỡng Quảng, Vân Nam và Quý Châu với danh nghĩa phù Lê, vào chiếm đóng Thăng Long. Nhận tin cấp báo, tháng 12 năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung để quy tụ lòng dân, lập tức tiến quân ra Bắc. Đến Nghệ An, Quang Trung tuyển thêm quân, củng cố lực lượng, mở cuộc duyệt binh lớn ở Vĩnh Doanh. Ngày 20 tháng 12 năm Mậu Thân (15 tháng 1 năm 1789), đại quân của Quang Trung đã ra đến Tam Điệp, Biện Sơn. Kế hoạch tác chiến được đề ra, toàn quân chia thành năm đạo với các nhiệm vụ khác nhau. Quang Trung quyết định mở tiệc khao quân ăn tết trước, hẹn đến ngày mùng 7 vào Thăng Long mừng chiến thắng. Đêm giao thừa, Quang Trung đọc vang lời hịch:

*Đánh cho để dài tóc, Đánh cho để đen răng,*

*Đánh cho chúng chích luân bất phản,*

*Đánh cho chúng phiến giáp bất hoàn,*

*Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*

Chỉ với 5 dòng thơ, 35 chữ, lời hịch thể hiện rõ mục đích của cuộc tiến quân là để bảo vệ các truyền thống văn hóa dân tộc như các tục để tóc dài, nhuộm răng đen; quyết tâm đánh giặc đến cùng (đánh cho kẻ xâm lược không kịp trở tay, không còn mảnh giáp) và khẳng định chủ quyền quốc gia của người Việt Nam “đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”. Bài Hịch xuất quân không những biểu hiện ý chí quyết tâm đánh giặc của quân và dân ta mà còn đánh để bảo vệ phong tục, tập quán riêng của dân tộc *đánh* *cho* *để dài tóc,* *đánh cho để đen răng*, đánh để khẳngđịnh ta không bị đồng hóa sau hơn 1000 bị phương Bắc đô hộ.

Sau khi đánh bại 29 vạn quân Thanh xâm lược (1789), vương triều Quang Trung ra sức xây dựng một chính quyền phong kiến mới, tiến bộ với ý thức quản lý đất nước trên một phạm vi rộng lớn dưới một chính quyền trung ương tập trung mạnh. Trong đó, Quang Trung rất chú trọng đến phát triển giáo dục và trọng dụng chữ Nôm.

Đối với những nho sĩ, trí thức, kể cả quan lại trong chính quyền cũ nhưng có tài năng, trí tuệ, có nhiệt tình xây dựng đất nước, Quang Trung với tư tưởng “cầu hiền tài”, cố gắng thuyết phục và sử dụng họ vào bộ máy nhà nước mới, đặt họ ở những chức vụ cao tương xứng với tài năng của họ. Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp… là những học giả tiêu biểu trong số các nho sĩ này.

Để đáp ứng nhu cầu xây dựng chính quyền mới và đào tạo quan lại mới, bên cạnh phương thức “tiến cử”, “cầu hiền tài” Quang Trung đã ban hành chính sách “khuyến học”, mở rộng chế độ học tập, thi cử. Trường học được mở rộng đến các làng xã, cho phép các địa phương sử dụng một số đền chùa không cần thiết làm trường học. Về nội dung, bỏ lối học từ chương khuôn sáo, cải tiến dần theo hướng thiết thực, bắt các nho sinh, sinh đồ ở các triều đại trước phải thi lại. Người nào xếp loại ưu thì mới được công nhận cho đỗ, hạng liệt phải về học lại, còn những người bỏ tiền ra mua tước quan (thời Lê - Trịnh) đều bị đuổi về chịu lao dịch như dân chúng.

Bên cạnh đó, dưới vương triều Tây Sơn, Quang Trung rất trọng dụng chữ Nôm. Ông lập Sùng Chính Viện chuyên dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm làm tài liệu học tập và giúp vua về mặt văn hóa. Mục đích của Quang Trung là nhằm đưa chữ Nôm lên thành quốc ngữ chính thức thay cho chữ Hán. Chữ Nôm được đưa vào khoa cử, trong các kỳ thi quan trường phải ra đề thi bằng chữ Nôm, người thi đến kỳ tam trường phải làm thơ, phú bằng văn Nôm. Chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của quốc gia dưới triều Quang Trung, một thành quả quan trọng trong lịch sử đấu tranh và bảo tồn nền văn hóa dân tộc, chống chính sách đồng hóa của các triều đại phương Bắc.

Có thể nói việc trọng dụng chữ Nôm và mở rộng hệ thống trường học có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển nền văn hóa dân tộc, biểu lộ tinh thần quốc gia, bảo tồn nền văn hóa dân tộc. Việc sử dụng chữ Nôm làm văn tự chính thức của quốc gia dưới triều Tây Sơn là một thành quả quan trọng trong lịch sử đấu tranh, gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Không những thế, chữ Nôm còn phát triển thành một trào lưu văn hóa rộng lớn, xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ Nôm xuất sắc như: Ngọc Hân công chúa với “Ai tư vãn”; Phan Huy Ích với “Văn tế Quang Trung” và không thể không kể tới Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

Những chính sách về văn hóa của Quang Trung thể hiện tư tưởng tiến bộ nhằm đưa đất nước nhanh chóng vượt qua cuộc khủng hoảng sau thời gian chiến tranh kéo dài, đất nước bị chia cắt, vươn lên sánh vai cùng các quốc gia phát triển đương thời. Đồng thời, những chính sách đó chứng tỏ ông có hoài bão xây dựng một nền học thuật, giáo dục đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao ý thức độc lập, tự cường cho nhân dân. Đây là một nét nổi bật thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quang Trung nói riêng và của vương triều Tây Sơn nói chung.

**4.3. Đoàn kết và chia rẽ trong nội bộ của phong trào**

Ngay từ buổi đầu, khi địa bàn hoạt động mới chỉ trong phạm vi nhỏ hẹp của miền núi rừng Quy Nhơn, anh em Tây Sơn đã khôn khéo đề ra được sách lược thích hợp để tập hợp lực lượng, thu hút quần chúng nhân dân tham gia. Nguyễn Nhạc nhiều lần đến các vùng đất Tây Nguyên, danh nghĩa là buôn trầu, mua gỗ, mua ngựa… nhưng thực chất là tìm cách liên kết với cộng đồng dân tộc ở đây, trong đó có người Ba-na, vận động họ tham gia ủng hộ mình. Với sự khôn khéo và thân thiện, Nguyễn Nhạc và những người em của mình đã chiếm được tình cảm quý mến của người dân Tây Nguyên, họ gọi ông là Tơ Mo Bok (vua Trời, người Trời), tham gia tích cực vào lực lượng của Tây Sơn chống chính quyền họ Nguyễn “lực lượng ở giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa có đông đảo người miền núi…trong các lực lượng của các dân tộc anh em, trước hết phải kể đến người Ba-na, người Hơ-rê, người Chăm”. Đồng thời, phong trào còn có sự tham gia của những thổ hào như Nguyễn Thung, lôi cuốn cả người Hoa như Tập Đình, Lý Tài tích cực hưởng ứng. Năm 1786, khi tiến quân ra Đàng Ngoài, Tây Sơn luôn nhận được sự ủng hộ đồng tình của quần chúng nhân dân, phát huy tinh thần đoàn kết của cả một dân tộc, phát huy sức mạnh của phong trào Tây Sơn và quân đội Tây Sơn.

Sự đoàn kết của ba anh em nhà Tây Sơn và đông đảo quần chúng nhân dân tạo nên sức mạnh, giúp phong trào vượt qua những khó khăn buổi đầu, ngày càng phát triển về lực lượng và mở rộng phạm vi hoạt động.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo phong trào, tình hình nội bộ Tây Sơn cũng có nhiều bất ổn. Nội bộ lục đục, mâu thuẫn nảy sinh từ sau khi Nguyễn Huệ từ Bắc hà trở về, gây ra những tổn thất to lớn đối với sự thống nhất lực lượng của phong trào Tây Sơn và sự phát triển của vương triều Tây Sơn sau này.

Sử sách không ghi chép thật rõ ràng về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh em Tây Sơn. Nhưng xích mích, mâu thuẫn giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ là có thật, thậm chí 2 người đã sử dụng đến quân sự “dùng binh lực đánh lẫn nhau” “Trước kia, Văn Huệ và Văn Nhạc dấy quân đánh nhau” Nguyên nhân của sự bất hòa này có lẽ bắt đầu từ lúc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc hà, bởi vì chủ trương của Nguyễn Nhạc là tập trung tiêu diệt [chúa Nguyễn,](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%BAa_Nguy%E1%BB%85n) giữ hòa bình với Bắc Hà, nên việc Nguyễn Huệ tự ý đem quân Bắc tiến là đi ngược lại ý của Nguyễn Nhạc. Mặt khác, Nguyễn Nhạc không yên tâm với sự phát triển thế lực riêng của Nguyễn Huệ, sợ rằng Nguyễn Huệ sẽ vượt quyền mình, sợ rằng không kiềm chế được Nguyễn Huệ “quyền làm vua đối với bề tôi đã bị xem khinh”, “sau khi Văn Huệ đã lấy được Thuận Hóa, đưa thư về nói tiến thẳng quân ra để lấy Thăng Long. Văn Nhạc được nhận thư, không bằng lòng, sai người ngăn lại, nhưng không kịp. Đến lúc Văn Huệ đã lấy được Thăng Long. Văn Nhạc biết tin sợ lắm. Nhạc cho là vội vàng đem quân vào sâu như thế tất nhiên khó giữ được lâu. Hơn nữa Văn Nhạc nhận thấy Văn Huệ vốn là người giảo hoạt, hung tợn, nếu đắc chí, tất nhiên sẽ giữ lấy một nước để tự lo toan, rồi dần dà khó mà kiềm chế được”. Mâu thuẫn giữa hai anh em Tây Sơn lớn tới mức hai bên đánh nhau kịch liệt: “Ông Huệ truy kích. Ông Nhạc rút quân vào thành Quy Nhơn, cố thủ. Ông Huệ công vi cả tháng mà không hạ nổi thành, bèn đánh chiếm núi Long Cốt, rồi kê súng đại bác trên núi bắn vào thành. Những nơi hiểm yếu trong thành bị phá”.

Mâu thuẫn và bất hòa của hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ làm cho hòa khí trong nội bộ Tây Sơn bị ảnh hưởng, tình cảm anh em rạn nứt, lực lượng Tây Sơn bị phân hóa: Nguyễn Nhạc xưng là Trung ương Hoàng đế, đóng đô ở Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc phong [Nguyễn Lữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_L%E1%BB%AF) làm Đông Định Vương, cai quản vùng đất Gia Định, Nguyễn Nhạc phong [Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) [Huệ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) làm Bắc Bình Vương, cai quản vùng đất từ đèo Hải Vân trở ra Bắc. Một trong những đóng góp của phong trào Tây Sơn là xóa bỏ tình trạng chia cắt, thống nhất đất nước. Nhưng nay, khi phong trào giành được thắng lợi, đất nước lại bị chia làm ba chính quyền khác nhau, tiếp tục đi vào con đường phong kiến hóa.

Hậu quả tai hại nhất của việc bất hòa giữa anh em Tây Sơn là bị kẻ địch từ hai phía tận dụng. Sau ba năm lưu vong ở Xiêm, Nguyễn Ánh nhận ra cơ hội trở về nước vào tháng 8 năm 1787 và đã tập hợp lực lượng. Nguyễn Lữ nghe tin Nguyễn Ánh trở về, vội vã tránh đi nơi khác để Gia Định cho Phạm Văn Tham giữ. Nhận thấy quân Nguyễn Ánh ngày càng mạnh, Nguyễn Lữ sợ hãi mang quân rút chạy về Quy Nhơn, quân Tây Sơn đã mỏng lại càng mỏng. Phạm Văn Tham vẫn cố đơn độc chiến đấu. Thế cùng sức kiệt, đầu năm 1789 Phạm Văn Tham bị Nguyễn Ánh vây chặt, lại bịt đường ra biển về Quy Nhơn nên buộc phải đầu hàng. Nguyễn Ánh dẹp yên đất Gia Định.

Ở Bắc Hà, tình hình rối loạn, từ Nguyễn Hữu Chỉnh đến Vũ Văn Nhậm đều chuyên quyền, có ý chống lại vương triều Tây Sơn. Quang Trung đem quân ra Bắc tiêu diệt Chỉnh, Nhậm, tổ chức lại hệ thống cai trị ở Bắc Hà, đưa các danh sĩ có tên tuổi như Ngô Thì Ngậm, Phan Huy Ích ra đảm đương công việc, Nguyễn Huệ rút quân về Phú Xuân. Sau khi ổn định tình hình Bắc hà, Quang Trung tích cực chuẩn bị lực lượng đem quân vào Nam đánh Gia Định, nhưng năm 1792 ông qua đời, con là [Nguyễn Quang Toản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Quang_To%E1%BA%A3n) còn nhỏ tuổi lên nối ngôi, nhà Tây Sơn nhanh chóng suy yếu. Sự ra đi của Quang Trung làm cho nội bộ hàng ngũ tướng lĩnh Tây Sơn ngày càng rạn nứt nghiêm trọng, Trần Quang Diệu bất hòa với Vũ Văn Dũng, Vũ Văn Dũng giết Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở, các đại thần giết hại lẫn nhau. Quang Toản nghi ngờ giết hại nhiều triều thần, võ tướng, khiến cho sức chiến đấu suy giảm, thêm nhiều người sang hàng Nguyễn Ánh. Nhân cơ hội nội bộ Tây Sơn suy yếu, Nguyễn Ánh tiến hành những cuộc phản công: năm 1801, Nguyễn Ánh đánh thẳng ra Phú Xuân, Quang Toản phải chạy ra Bắc hà; năm 1802, Nguyễn Ánh huy động nhiều cánh quân thủy – bộ tiến ra Bắc, lần lượt chiếm vùng đất từ Quảng Trị đến Nam Định rồi tiến thẳng về Thăng Long. Quang Toản không cự chống nổi, vượt sông Nhị chạy lên mạn Bắc Giang và bị bắt, chấm dứt vương triều Tây Sơn.

Sự bất hòa trong nội bộ anh em Nguyễn Huệ và trong tướng lĩnh Tây Sơn cùng sự bất lực của Nguyễn Lữ đã tạo điều kiện cho Nguyễn Ánh trở lại Gia Định. Mặt khác, cái chết đột ngột của Nguyễn Huệ là một tổn thất lớn đối với phong trào Tây Sơn, là cơ hội để Nguyễn Ánh khôi phục quyền lực nhà Nguyễn.

Đoàn kết tạo nên sức mạnh, mất đoàn kết làm cho nội bộ chia rẽ. Buổi đầu, phong trào Tây Sơn có được sức mạnh của đoàn kết, sức mạnh giúp họ từ căn cứ Tây Sơn phát triển rộng ra quy mô cả nước, đưa cuộc phong trào nông dân Tây Sơn lên những tầm cao mới, giành những thắng lợi mới. Nhưng sự chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ Tây Sơn đã tạo điều kiện cho Nguyễn Ánh trở về, chiếm lại vùng đất Gia Định và lật đổ vương triều Tây Sơn, thành lập triều Nguyễn.

Phong trào Tây Sơn mang những nét đặc trưng riêng, được đánh giá là một trong những phong trào nông dân tiêu biểu và điển hình của phong trào nông dân trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nhờ tinh thần đoàn kết, phong trào liên tiếp giành được những thắng lợi lớn, không ngừng phát triển về quy mô, giải quyết tốt vấn đề giai cấp – dân tộc. Thành quả lớn nhất của phong trào Tây Sơn là không những tiêu diệt các chính quyền phong kiến phản động Lê – Trịnh – Nguyễn, xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước mà đã vượt ra khỏi phạm trù đấu tranh giai cấp, vươn lên đảm nhiệm vai trò chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc. Bên cạnh đó, việc giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống văn hóa của dân tộc luôn là mục tiêu của Tây Sơn dù là đang chiến đấu cho sự nghiệp thống nhất tổ quốc hay ở thời kỳ hòa bình xây dựng, củng cố độc lập nền dân tộc. Những chính sách tiến bộ và hợp thời của Quang Trung và vương triều Tây Sơn giúp Đại Việt có những bước chuyển mình sau hơn hai thập kỷ bị chia cắt và bước đầu đạt được một số thành tựu trên các lĩnh vực. Mặc dù không thể giành được thắng lợi cuối cùng, không giữ được thành quả đấu tranh do sự chia rẽ, mất đoàn kết giữa anh em Nguyễn Huệ và các quan lại, nhưng những đóng góp của phong trào nông dân Tây Sơn là không thể phủ nhận và Tây Sơn – Nguyễn Huệ mãi là niềm tự hào của mỗi người dân Việt.

**MỘT SỐ CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

1. Đánh giá vai trò của phong trào Tây Sơn đối với sự nghiệp phát triển của dân tộc ta.

2. Bằng những kiến thức lịch sử, hãy chứng minh: Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành hai nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Nêu vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. Vị trí của phong trào Tây Sơn trong lịch sử dân tộc:

3. Vì sao nói: Vào cuối XVIII, phong trào Tây Sơn đã bước đầu thống nhất đất nước và đánh bại ngoại xâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.

4. a. Tóm tắt chiến dịch giải phóng Thăng Long vào tết Kỉ Dậu của Quang Trung.

b.Vì sao chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa đã đi vào lịch sử như môt chiến công hiển hách vào bậc nhất của dân tộc VN.

c. Phân tích sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung trong việc đại phá quân Thanh.

5. Nội dung và ý nghĩa của văn kiện trong cuộc kháng chiến thế kỉ XVIII.

6. Những đóng góp của phong trào nông dân Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc. Trình bày đóng góp quan trọng nhất của phong trào nông dân Tây Sơn.

7. Phong trào Tây Sơn.

a. Hoàn cảnh/Nguyên nhân:

b. Diễn biến:

c. Vị trí:

d.Đặc điểm:

e. Nguyên nhân thất bại của phong trào Tây Sơn

f. Bài học kinh nghiệp từ sự thất bại của phong trào Tây Sơn

g. So sánh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với phong trào Tây Sơn

8. Những yêu cầu cấp bách nào đặt ra cho lịch sử Việt Nam vào cuối XVIII? Phong trào Tây Sơn đã giải quyết những yêu cầu đó ra sao?

9. Hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa bài hiểu dụ của Quang Trung:

10. Từ những sự kiện của phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước bảo vệ Tổ quốc vào cuối XVIII, hãy hoàn thành niên biểu và sự kiện lịch sử dưới đây.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thời gian** | **Sự kiện lịch sử** |
| 1 | 1802 |  |
| 2 | 1771 |  |
| 3 | 1/1785 |  |
| 4 | 1786 - 1788 |  |
| 5 | Cuối 1784 - 1788 |  |
| 6 | 1/1789 |  |

**Người viết chuyên đề**

**Bùi Thị Thanh**